TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- CẦN THƠ** Bản án số: 16/2025/DS-ST Ngày: 11/8/2025 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Ông Nguyễn Văn Điển

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Trong ngày 11 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trịnh Cẩm T, năm sinh: 1986 – Chủ hộ kinh doanh T1

Địa chỉ: Số B Ấp H, xã N, Thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Số B Ấp H, Xã N, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Yến N, sinh năm 2001 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, Thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn:*

1. Ông: Lê Văn P, năm ngày 01/01/1979. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã N, Thành phố C (địa chỉ cũ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

2. Bà: Lưu Thị N1, năm sinh: 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã N, Thành phố C (địa chỉ cũ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Yến N trình bày:

Ông Trịnh Cẩm T là chủ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 59E8004000, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/11/2018, ngành nghề đăng ký là kinh doanh thức ăn, thuốc, hoá chất nuôi trồng thủy sản. Vào năm 2016 Hộ kinh doanh T1 với ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa, bằng lời nói không được lập thành văn bản. Theo thỏa thuận thì Hộ kinh doanh T1 bán cho ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản do Hộ kinh doanh T1 cung cấp. Bên Hộ kinh doanh T1 giao hàng cho ông P bà N1 tại kho hàng của Hộ kinh doanh T1 1 theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông P bà N1 nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông P bà N1 phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho bên Hộ kinh doanh T1. Về phương thức thanh toán, ông P bà N1 có nghĩa vụ thanh toán cho bên Hộ kinh doanh T1 sau khi thu hoạch tôm.

Trong thời gian thực hiện giao dịch, ông Trịnh Cẩm T đã tiến hành cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa theo yêu cầu của ông P và bà N1. Bên phía ông P và bà N1 cũng không có phản ánh gì về số lượng, chất lượng, loại hàng hóa mà tôi đã cung cấp. Mặc dù ông Trịnh Cẩm T đã thực hiện đúng thỏa thuận, nhưng ông P và bà N1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: Đến cuối vụ tôm ông bà chỉ thanh toán 20.000.000 đồng, ông P bà N1 vẫn còn nợ lại ông Trịnh Cẩm T số tiền tính đến ngày 23/09/2019 là 128.946.000 đồng. Do hai bên đã ngừng mua bán nên ông Trịnh Cẩm T đã cử nhân viên liên hệ, làm việc với ông P và bà N1 để có phương hướng tiến hành thanh toán cho phù hợp. Ông Trịnh Cẩm T đã cố gắng tạo điều kiện nhiều lần, cho ông bà trả dần hàng tháng để giảm nợ. Tính từ ngày 23/9/2019 cho đến ngày 20/5/2024 ông bà chỉ gửi thêm cho ông Trịnh Cẩm T được 3.500.000đ để giảm nợ. Số nợ tính đến ngày 11/8/2025 ông P bà N1 còn nợ Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 là 125.446.000 đồng.

Do vậy, ông Trịnh Cẩm T yêu cầu buộc ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 trả cho ông Trịnh Cẩm T số tiền nợ gốc là 125.446.000 đồng và phải thanh toán số tiền trên cho ông Trịnh Cẩm T một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của tòa án có

hiệu lực pháp luật và phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật tại giai đoạn thi hành án.

* Đối với bị đơn ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1: Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 theo quy định của pháp luật, ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Theo thủ tục tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại phiên hoà giải cũng như tại phiên toà ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà N người đại diện theo uỷ quyền của ông Trịnh Cẩm T là vợ chồng ông P bà N1 có mua thức ăn và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T1 do ông Trịnh Cẩm T làm chủ hộ đăng ký kinh doanh nhưng không lập thành văn bản, vợ chồng ông P bà N1 mua thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H, các nhãn hiệu khác cùng với thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản. Đến cuối vụ tôm tháng 09/2019 vợ chồng ông P bà N1 đã thanh toán 20.000.000đ, số tiền hàng vẫn còn nợ lại Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 tính đến ngày 23/09/2019 là 128.946.000đ vào hai bên đã ngừng mua bán. Từ ngày 23/9/2019 đến ngày 20/5/2024 vợ chồng ông P bà N1 gửi thêm cho Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 được 3.500.000đ để giảm nợ. Số nợ tính đến ngày 11/8/2025 vợ chồng ông P bà N1 còn nợ Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 là 125.446.000 đồng.

Nay Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 yêu cầu vợ chồng ông P bà N1 trả số tiền 125.446.000 đồng trong một lần thì tôi không có khả năng, nên vợ chồng ông P bà N1 đề nghị được trả 4.000.000 đồng/1 năm và chia làm hai lần trả trong năm cho đến khi hết nợ.

Tại phiên hòa giải, các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề tranh chấp trong vụ án. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, nguyên đơn Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 yêu cầu bị đơn ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 trả số tiền còn nợ do mua thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú hiệu Việt Hoa và thuốc thủy sản chưa thanh toán. Do đó quan hệ pháp luật nêu trên là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được pháp luật điều chỉnh tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Nội dung vụ án: Căn cứ vào ý kiến thống nhất của các bên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: Thì vào năm 2016 phía nguyên đơn có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn tôm thẻ chân trắng và hóa chất thủy sản phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1, việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự mặc dù không được lập thành văn bản nhưng thực tế việc thực hiện hợp đồng đã diễn ra đúng như lời trình bày của phía nguyên đơn cũng như lời thừa nhận của phía bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể là vào năm 2016 đến 23/09/2019 phía bị đơn đã mua mặt hàng thức ăn nuôi tôm của nguyên đơn Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 để phục vụ cho việc nuôi tôm. Vì vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ ngày 20/5/2024, sổ sách theo dõi mua bán hàng hóa mà các bên đương sự cung cấp cung như lời thừa nhận của phía bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 chưa thanh toán đủ tiền mua hàng hiện còn nợ phía nguyên đơn số tiền là 125.446.000đ. Xét thấy những tình tiết, sự kiện và tài liệu chứng cứ của phía nguyên đơn cung cấp tại toà, phía của phía bị đơn không có ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện và tài liệu chứng cứ của phía nguyên đơn và tình tiết, sự kiện và tài liệu chứng cứ đó phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 khẳng định bị đơn ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 còn nợ số tiền mua bán thức ăn tôm và hóa chất phục vụ cho thủy sản của Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 là 125.446.000đ.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mặc dù đã nhận đủ hàng hóa, theo đúng quy cách như đã thỏa thuận và không có thắc mắc gì về chất lượng cũng như giá cả của hàng hóa nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng như giao kết, rõ ràng phía bị đơn đã có lỗi nên phải chịu hậu quả về hành vi vi phạm của mình.

Từ những căn cứ phân tích nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, Khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1, về việc buộc bị đơn ông Lê Văn P và bà Lưu Thị

N1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 125.446.000đ.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.Cụ thể là 125.446.000 đồng x 5% = 6.272.300 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ, Điều 430, khoản 2 Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự .

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trịnh Cẩm T - Chủ Hộ kinh doanh T1 là chủ hộ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 có nghĩa vụ trả cho Trịnh Cẩm T - C kinh doanh Tân Quang Minh 1 số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 125.446.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.136.000 đồng

theo biên lai thu số 0001767 ngày 11/6/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng thi hành án hình sự khu vực 8 – Cần Thơ).

Bị đơn ông Lê Văn P và bà Lưu Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.272.300 đồng, nộp tại Thi hành án dân sự thành phố cần thơ (Phòng thi hành án hình sự khu vực 8 – Cần Thơ).

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân thành phố Cần Thơ giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Toàn